

NAM PHI THỜI KỲ APARTHEID: CHẾ ĐỘ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

*Trần Thị Lan Hương**

1. Chế độ nhà nước

Apartheid được phát âm theo tiếng Hà Lan, còn phát âm theo tiếng Afrikaans là *seperateness*, đều có cùng một nghĩa là sự riêng biệt, tách biệt, dùng để chỉ hệ thống phân biệt chủng tộc ở Nam Phi giữa thiểu số người da trắng và phần đông người da đen trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội. Thuật ngữ Apartheid lần đầu tiên được sử dụng tại Nam Phi vào năm 1917 trong một bài diễn văn của Jan Christiaan Smuts - một trong những lãnh tụ vĩ đại nhất của Nam Phi trong thời kỳ Nam Phi là nước tự trị nằm trong khối Liên hiệp Anh. Như vậy, sự phân biệt chủng tộc theo thuật ngữ Apartheid ở Nam Phi thực chất xuất hiện từ thời kỳ thuộc địa và sau đó trở thành chính sách phát triển chính thức của chính phủ Nam Phi sau cuộc tổng tuyển cử năm 1948 sau khi Đảng Quốc gia (NP) đánh đổ chính quyền của Jan C. Smuts. Đảng Quốc gia sau năm 1948 đã

chính thức sử dụng chính sách Apartheid để mở rộng chính sách phân biệt chủng tộc và đề cao vai trò lãnh đạo của người da trắng ở Nam Phi. Thời kỳ đầu, luật Apartheid sắp xếp người dân theo 3 nhóm sắc tộc chính: người da trắng, người Bantu (hay còn gọi là người châu Phi da đen) và người da màu (hay còn gọi là người có lai). Sau này, người châu Á, người Ấn Độ và người Pakistan được bổ sung thêm thành nhóm sắc tộc thứ 4 ở Nam Phi. Hệ thống luật Apartheid xác định quyền hạn, nghề nghiệp và nền giáo dục mà mỗi nhóm được hưởng. Năm 1949, Luật cấm hôn nhân hỗn hợp (Prohibition of Mixed Marriages) ra đời ngăn cấm sự kết hôn của người dân có các nhóm sắc tộc khác nhau. Năm 1950, Luật cấm vô luân (Immorality Act) ra đời, cấm người dân có quan hệ nam nữ lẩn lộn giữa các chủng tộc và coi đây là hành vi phạm tội. Năm 1950, Luật đăng ký nhân khẩu (Population Registration Act) được ban hành đã phân chia dân số theo nhóm sắc tộc cụ thể. Cũng

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

trong năm 1950. Luật phân chia vùng theo nhóm (Group Areas Act) đã chia đất nước ra từng vùng địa lý cụ thể theo nhóm sắc tộc khác nhau. Năm 1951. Luật chính quyền Bantu (Bantu Authorities Act) đã tạo ra một cơ cấu chính quyền riêng biệt cho người da đen và đây được coi như là nền tảng đầu tiên tạo ra sự phân biệt chủng tộc trong hệ thống chính trị của Nam Phi. Năm 1951. Luật phân biệt đại diện cử tri (Separate Representation of Voters) đã ngăn cấm người da đen được quyền bỏ phiếu bầu cử. Ngoài ra, chính sách phân biệt chủng tộc Apartheid còn được thể hiện qua hàng loạt luật và đạo luật khác như Luật duy trì sự phân biệt sử dụng các dịch vụ công cộng (Reservation of Separate Amenities Act) năm 1953, ngăn cấm người da đen và người da màu sử dụng các dịch vụ công cộng như nhà hàng, bể bơi công cộng...; Luật định cư (Natives Act) năm 1953 phân biệt giai cấp và sắc tộc theo việc làm; Luật giáo dục Bantu (Bantu Education Act) năm 1953 phân biệt hệ thống giáo dục cho người da đen và da màu... Các luật này cũng ngăn cấm sự giao thiệp xã hội giữa các sắc tộc, cho quyền phân biệt các điều kiện cộng đồng và phủ nhận bất cứ sự đại diện nào của những người không thuộc nhóm da trắng trong chính quyền trung ương. Người nào công khai chống lại chính sách Apartheid bị coi là người cộng sản. Chính phủ đã ban bố những thiết chế an ninh khắc nghiệt khiến nhà nước Nam Phi trở thành một nhà nước cảnh sát.

Vào năm 1961, người Nam Phi da trắng đã biểu quyết đòi độc lập, tách Nam Phi ra khỏi khối Liên hiệp Anh. Năm 1961 cũng chứng kiến chính quyền của Đảng Quốc gia thắt chặt chính sách Apartheid trong mọi lĩnh

vực đời sống của Nam Phi. Ý đồ của chính phủ Nam Phi lúc bấy giờ là muốn đưa người da đen về các khu định cư (homeland), thanh lọc người da đen sống trong những vùng của người da trắng. Năm 1961 chứng kiến một loạt các đạo luật phân biệt chủng tộc ra đời ở Nam Phi như Luật các giới hạn chung dành cho người da màu (Coloured Persons Communal Reserves), Luật duy trì các vùng định cư riêng của người da màu (Preservation of Coloured Areas) và Luật các hội đồng thành phố của người Bantu (Urban Bantu Councils). Các luật này phân biệt rất rõ quyền lợi của người da trắng và người da đen. Homeland (đất ở, khu định cư) được thủ tướng Nam Phi lúc đó là Hendrik Verwoerd thực hiện nhằm dành riêng một số mảnh đất ở xa các khu đô thị của người da trắng để làm nơi ở cho các bộ lạc da đen. Chính quyền của Hendrik Verwoerd đã cưỡng bức người da đen phải rời bỏ nhà cửa và buộc họ đến sống trong các Homeland này. Những khu Homeland chủ yếu tập trung ở vùng Transkei, Venda, Ciskei và Bophuthaswana, chỉ chiếm khoảng 13,7% diện tích đất đai của Nam Phi nhưng lại có tới trên một nửa dân số Nam Phi sống chen chúc ở đây. Các khu Homeland này có điều kiện y tế, vệ sinh và hệ thống giáo dục rất tồi tàn, lạc hậu. Trong thập kỷ 1960 và 1970, chính phủ Nam Phi đã cố gắng tạo Apartheid trở thành một chính sách "tách biệt sự phát triển". Người da đen bị đưa đến những vùng mới xây dựng và những làng quê nghèo đói, trở thành công dân hạng hai của đất nước. Cho đến mãi tận năm 1994, dưới chính quyền mới của Tổng thống Nelson Mandela, các khu Homeland này mới được phá hủy. Trong khi đó, mức sống của người da trắng

lại rất cao. Họ ở trong những ngôi nhà sang trọng, xa hoa, có thu nhập đầu người sánh ngang các nước phương Tây, nắm giữ vị trí cao nhất trong các lĩnh vực chính quyền và dân sự, kiểm soát hoạt động của nền kinh tế. Người da trắng được quyền quản lý hơn 80% lãnh thổ. Người da đen không được quyền đi vào vùng đất của người da trắng. Người da đen chỉ được quyền làm việc trong những ngành nghề nặng nhọc, hèn hạ, thu nhập thấp. Các phương tiện giao thông, bến đỗ xe, hệ thống bệnh viện, thiết bị chữa bệnh, hệ

thống giáo dục đào tạo, sinh hoạt văn hoá cũng bị phân biệt. Ngoài ra, người da đen muốn đi vào khu vực của người da trắng thì phải có giấy phép thông hành và người da đen không có quyền xâm phạm hay bắt bớ người da trắng. Khắp nơi trên đất nước Nam Phi đều gắn những biển cáo thị chỉ rõ "nơi chỉ dành cho người da trắng" hoặc "nơi chỉ dành cho người da đen". Toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội ở Nam Phi đều dựa trên phân biệt này.

Bảng 1. Chế độ Apartheid và người dân Nam Phi (1978)

Các chỉ số	Người da đen	Người da trắng
Dân số (triệu người)	19	4,5
Sở hữu đất đai (%)	13	87
% trong thu nhập quốc dân (%)	<20	75
Tỷ lệ thu nhập đầu người (lần)	1	14
Thu nhập đầu người tối thiểu (Rand)	360	750
Tỷ lệ bác sĩ/dân số	1/44.000	1/400
Tỷ lệ chết yếu (%)	20 (thành thị) 40 (nông thôn)	2,7
Chi tiêu giáo dục hàng năm/1 học sinh (USD)	45	696
Tỷ lệ giáo viên/học sinh	1/60	1/22

Nguồn: Richard Leonard, Computers in South Africa: A Survey of U.S. Company, Science and Social Control, circa 1980.

Cùng với tiến trình công nghiệp hoá ồ ạt ở Nam Phi thập kỷ 1970, chính sách Apartheid đã bắt đầu mở rộng luật và cho phép người da đen được vào làm việc ở các khu vực có người da trắng sinh sống với những quy định ngặt nghèo. Trong thập kỷ 1980, những bộ luật phân biệt sắc tộc được nối lòng dân, đặc biệt Hiến pháp năm 1984 đã cho phép người da màu có mặt trong nghị viện, nhưng vẫn loại trừ người da đen gốc Phi vốn chiếm 75% dân số cả nước thời kỳ đó ra khỏi nghị viện. Tuy nhiên, chế độ phân biệt chủng tộc hà khắc vẫn tiếp tục

duy trì ở Nam Phi cho đến khi chế độ Apartheid sụp đổ vào năm 1994.

2. Các chính sách phát triển của Nam Phi trong thời kỳ Apartheid

a. Chính sách kinh tế:

Mô hình kinh tế Nam Phi thời kỳ Apartheid nhìn chung đi theo con đường chủ nghĩa tư bản sắc tộc, trong đó lợi ích kinh tế được phân chia theo nhóm sắc tộc, chủ yếu là dành cho người da trắng. Trong thập kỷ 1960, chủ nghĩa tư bản sắc tộc hoạt động khá hiệu quả ở Nam Phi, thể hiện qua

các chỉ số như tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ tạo việc làm, tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư. Trong giai đoạn 1961-1970, tăng trưởng GDP ở Nam Phi đạt 5.7%/năm, cao hơn con số 4.5%/năm của thập kỷ 1950. Nếu không tính đến các vấn đề bình đẳng và phân phối thu nhập, thì nền kinh tế Nam Phi trong thời kỳ này được đánh giá là rất thành công, được sánh với các nền kinh tế mới công nghiệp hoá châu Á (NIEs). Nhưng con đường phát triển công nghiệp hoá của Nam Phi có sự khác biệt so với NIEs châu Á thời kỳ này. Nếu như NIEs châu Á phát triển kinh tế nhờ lao động giá rẻ và công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu, tạo nên sự thần kỳ kinh tế trong thập kỷ 1960 và 1970, thì Nam Phi thời kỳ này phát triển kinh tế nhờ chính sách Apartheid, thực hiện chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu và sự cô lập về chính trị do bị thế giới lên án đã ảnh hưởng không tốt đến việc mở rộng chính sách thương mại hướng ngoại. Cho đến tận đầu thập kỷ 1990, các ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu của Nam Phi vẫn đóng

vai trò chủ đạo, điển hình là 90% hàng may mặc được sản xuất ở trong nước và ngành công nghiệp của Nam Phi chỉ chiếm dưới 10% kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu của Nam Phi chủ yếu là nguồn tài nguyên khoáng sản, chiếm tới 80% tổng kim ngạch xuất khẩu cho đến tận những năm cuối thời kỳ Apartheid, trong khi hàng chế tạo xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 10%. Chính sách Apartheid đã bóp méo nền kinh tế Nam Phi. Mỗi quan tâm chủ đạo của chính quyền Apartheid thời kỳ đó là phát triển công nghiệp nặng phục vụ nhu cầu trong nước và công nghiệp chế tạo vũ khí quân sự. Một trong những yếu tố dẫn đến thành công của nền kinh tế Nam Phi thập kỷ 1960 là vai trò của vàng trong nền kinh tế. Trữ lượng vàng ở Nam Phi đứng hàng đầu thế giới, chiếm tới 51.9% trữ lượng của toàn thế giới. Cho đến tận năm 1971, giá vàng vẫn được cố định với giá của đồng đôla trong hệ thống Bretton Woods. Vàng chiếm tới 1/3 giá trị kim ngạch xuất khẩu của Nam Phi và là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Nam Phi trong thập kỷ 1960.

Bảng 2. Tăng trưởng GDP thực tế theo ngành của Nam Phi thời kỳ Apartheid 1948-1994, (Tốc độ tăng trưởng trung bình năm, %)

Năm	Nông, lâm ngư nghiệp	Khai khoáng	Khai thác vàng	Công nghiệp	Dịch vụ
1948-1964	2,8	5,8	5,9	6,5	4,0
1964-1973	3,2	0,5	-0,6	7,6	5,5
1973-1981	3,1	-0,5	-3,3	4,6	3,8
1981-1984	0,7	-0,1	-0,9	0,0	1,8

Nguồn: Đồ Đức Định (chủ biên), Nam Phi con đường tiến tới dân chủ, công bằng và thịnh vượng, NXB Khoa học Xã hội, H. 2008, trang 39.

Mô hình kinh tế Nam Phi bắt đầu gặp khủng hoảng kể từ đầu thập kỷ 1970 do có sự biến động của giá vàng thế giới. Vào năm 1971, chế độ bản vị vàng sụp đổ khiến giá vàng thế giới giảm mạnh. Cùng với đó, vào

năm 1973 khủng hoảng dầu mỏ thế giới lần thứ nhất nổ ra và vào năm 1979 khủng hoảng dầu mỏ thế giới lần thứ hai xuất hiện và giá vàng lại tăng vọt. Những biến động bất lợi đó đã ảnh hưởng nặng nề đến mô hình phát

triển kinh tế dựa vào xuất khẩu tài nguyên của Nam Phi. Sản xuất vàng của Nam Phi trong thời kỳ này giảm mạnh, từ 1000 tấn năm 1970 xuống còn dưới 600 tấn vào những năm đầu thập kỷ 1990. Giá vàng xuất khẩu giảm cộng với sự cạnh tranh của một số nước khác trong khai thác và xuất khẩu vàng như Mỹ, Canada, Australia do các nước này áp dụng công nghệ mới trong khai thác vàng đã khiến thị phần xuất khẩu vàng của Nam Phi trên thị trường thế giới giảm mạnh. Vào đầu thập kỷ 1970, tăng trưởng kinh tế của Nam Phi bắt đầu giảm và trong giai đoạn 1971-1980 tăng trưởng GDP của Nam Phi đạt trung bình 3,4%/năm, thấp hơn nhiều so với thập kỷ trước đó. Mặc dù ngành công nghiệp chế tạo của Nam Phi trong thời kỳ này được khuyến khích phát triển ồ ạt, nhưng những đóng góp của ngành chế tạo trong tăng trưởng kinh tế Nam Phi còn rất khiêm tốn bởi nó bị ảnh hưởng của chính sách Apartheid. Trong thập kỷ 1980, nền kinh tế Nam Phi tiếp tục lâm vào suy thoái với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình chỉ đạt 1,6%/năm. Tình trạng suy thoái này có nhiều lý do, trong đó có nguyên nhân không nhỏ là sự cấm vận, cô lập kinh tế của cộng đồng quốc tế đối với Nam Phi khiến đất nước này gặp nhiều khó khăn hơn trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế và thúc đẩy xuất khẩu tài nguyên.

b. Chính sách đối ngoại:

Chính sách đối ngoại của Nam Phi thời kỳ Apartheid bị coi là mang tính phân biệt và phân động. Chính sách này được thực thi dưới ảnh hưởng của tư tưởng Apartheid, phát triển chủ nghĩa tư bản phân biệt chủng tộc và dựa trên nhận thức "tấn công tổng lực" chống lại toàn dân tộc Nam Phi da đen và

duy trì thái độ thù địch đối với người da đen. Nhà nước Apartheid đã sử dụng chiêu bài vũ khí hạt nhân để chống lại bất cứ ke nào muốn can thiệp hoặc đe dọa chính phủ Nam Phi. Chính sách đối ngoại thời kỳ Apartheid có những đặc trưng cơ bản sau:

+ Thực hiện chính sách không phân biệt, không trừng phạt và thân phương Tây nhằm mục đích tăng cường hợp tác với các nước không thuộc khối cộng sản chủ nghĩa và các tổ chức quốc tế. Chú trọng đến phát triển thương mại quốc tế để tránh sự cô lập và tăng cường vị trí của Nam Phi.

+ Chung sống hoà bình, hợp tác khu vực theo thực thể địa lý, tăng cường mối quan hệ với các nước láng giềng và khẳng định Nam Phi là một bộ phận của lục địa châu Phi trong mối quan hệ bền vững và thân thiện với người da trắng.

+ Tăng cường quảng bá hình ảnh của Nam Phi ra thế giới bên ngoài và duy trì chủ quyền bằng cách kiềm chế sự can thiệp vào các mối quan hệ nội bộ của các quốc gia khác.

Trong thập kỷ 1970 và 1980, sự leo thang bạo lực đã bùng phát ở Nam Phi và nước này phải chịu sự trừng phạt, tẩy chay trong khu vực và cộng đồng quốc tế vì chế độ phân biệt chủng tộc và chính sách đối ngoại kỳ thị của mình. Năm 1974, Nam Phi bị tước quyền bỏ phiếu tại Liên hiệp quốc và trong thập kỷ 1980 chế độ chính trị và chính sách đối ngoại của Nam Phi bị cộng đồng quốc tế tẩy chay. Vào năm 1978 và 1983, Liên hiệp quốc kết án Nam Phi tại Diễn đàn thế giới về chống phân biệt chủng tộc. Năm 1986 Liên hiệp quốc phê chuẩn điều luật chống chế độ Apartheid ở Nam Phi. Vào cuối thập kỷ

1980. Mỹ, Anh và 23 nước khác trên thế giới đã phê chuẩn các điều luật phân đối chính sách phân biệt chủng tộc và đối ngoại kỳ thị ở Nam Phi. Làn sóng phân đối Nam Phi lan rộng ra khắp thế giới khiến Nam Phi rơi vào tình trạng bị tẩy chay và cô lập với thế giới bên ngoài.

3. Hậu quả kinh tế xã hội của mô hình Apartheid

Xét bối cảnh trong nước, mô hình Apartheid giai đoạn 1948-1994 đã vấp phải những sai lầm nghiêm trọng. Những sai lầm trong chính sách phát triển kinh tế xã hội thời kỳ Apartheid là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến cải cách kinh tế sau năm 1994. Đó là:

Thứ nhất, sai lầm trong phát triển kinh tế. Dưới chính sách Apartheid, nền kinh tế là do người da trắng thống trị. Người da đen bị phân biệt đối xử và bị kỳ thị trong tất cả các hoạt động kinh tế xã hội của đất nước. Trong hai thập kỷ đầu tiên sau độc lập, kinh tế Nam Phi đạt được một số thành tựu đáng kể. Vào thập kỷ 1960, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nam Phi đạt 5,7%/năm, tốc độ tăng việc làm là 3%/năm tương đương với mức tăng dân số. Tuy nhiên, từ thập kỷ 1970 trở đi, nền kinh tế Nam Phi bắt đầu chịu sự suy thoái nghiêm trọng, bất ổn định chính trị xã hội thường xuyên xảy ra và chính sách kinh tế hầu như cô lập với các nước láng giềng trong khu vực. Trong suốt thập kỷ 1980, tăng trưởng kinh tế của Nam Phi chỉ đạt mức 1,6%/năm và trong những năm cuối của chế độ Apartheid (1990-1993) tăng trưởng kinh tế đạt mức - 1,0%/năm. Trước thời điểm của công cuộc cải cách kinh tế năm 1994, kinh tế Nam Phi hoàn toàn bị tê liệt: cơ cấu kinh tế lạc hậu, đầu tư sản xuất giảm, độc quyền lớn,

vay nợ nhiều, hàng rào thuế quan cao, lợi ích kinh tế chỉ tập trung vào tay một số người da trắng, nghèo khổ, bất bình đẳng và kỳ thị chủng tộc trở nên nghiêm trọng. Lạm phát ở Nam Phi những năm đầu thập niên 1980 giao động trong khoảng 11-14%/năm, đến năm 1986 lên mức đỉnh điểm 18,6%/năm, một phần do đồng Rand mất giá, một phần khác do giá dầu lên xuống thất thường mà phần lớn dầu nhập khẩu của Nam Phi phải thực hiện thông qua thị trường chợ đen để tránh lệnh cấm vận của cộng đồng quốc tế. Đầu những năm 1990, lạm phát tiếp tục duy trì ở mức hai con số (năm 1991 lạm phát là 17,4%, năm 1992 là 16,6%, 1993 là 11,7%), gây ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế. Hơn nữa, quyền lực kinh tế hoàn toàn nằm trong tay người da trắng, đẩy nền kinh tế Nam Phi lún sâu vào tình trạng phát triển mất cân đối, trì trệ và khủng hoảng. Nợ nước ngoài của Nam Phi tăng nhanh và năm 1985 Nam Phi lâm vào cuộc khủng hoảng nợ nước ngoài nghiêm trọng khiến chính quyền Apartheid phải tuyên bố đóng băng việc trả nợ nước ngoài trị giá 14 tỷ USD trong tổng số 24 tỷ USD nợ nước ngoài của Nam Phi. Chính sách cấm vận của cộng đồng quốc tế đối với Nam Phi đã khiến dòng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào Nam Phi rất hạn chế. Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), trong giai đoạn 1985-1991 Nam Phi đã bỏ lỡ khoảng 8 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài do phải chịu lệnh cấm vận của cộng đồng quốc tế và sự phân biệt kỳ thị của nhiều nước trên thế giới.

Thứ hai, về khía cạnh xã hội, nghèo khổ và bất bình đẳng ở Nam Phi trong chế độ Apartheid là đáng báo động. Chủ nghĩa tư bản Apartheid được thế giới đánh giá là chủ nghĩa tư bản đặc biệt ở Nam Phi. Apartheid

không chỉ là sản phẩm của chủ nghĩa chủng tộc cuồng tín, mà nó còn theo đuổi mục đích bảo vệ cho tầng lớp trung lưu. Vì vậy, các hình thức kiểm soát xã hội được Apartheid áp dụng rất triệt để. Đất nước thiếu thốn hầu hết các quyền chính trị cơ bản, người da đen bị ngăn cấm thành lập các liên đoàn thương mại và phải ở trong các khu nhà tập trung ổ chuột nghèo nàn, bị kiểm soát ngặt nghèo trong các ngành khai mỏ, nông trại, nhà máy... ở Nam Phi. Các cơ chế đó đã khiến công nhân bị trả lương thấp hơn mức đủ tồn tại cuộc sống. Vào năm 1995 sau khi chính quyền mới đã thực hiện các chính sách cải cách, nghèo khổ ở Nam Phi vẫn chưa có dấu hiệu được cải thiện. Tỷ lệ nghèo khổ chiếm tới 49,9% dân số cả nước, trong đó nghèo khổ ở các vùng nông thôn chiếm 70,9% và ở thành thị chiếm 25,8%. Trong nhóm người da đen, người nghèo chiếm tới 60,7, trong khi số người nghèo da trắng phải sống trong diện nghèo khổ chỉ chiếm 1%. Tỷ lệ thất nghiệp lên tới mức 29,3%. Các tỉnh có tỷ lệ người nghèo đông nhất năm 1995 là Northern Province người nghèo chiếm 69,3%, Free State 64%, Eastern Cape 50%.... các tỉnh có tỷ lệ người nghèo ít nhất cả nước là Western Cape 17,9%, North West 21,1%, các tỉnh có người nghèo đạt mức trung bình cả nước là Guantgen 41%, Mpumulanga 45,1%. Kwazulu Natal 47,1% và Northern Cape 48%¹.

Bất bình đẳng ở Nam Phi không chỉ là theo giai cấp và chủng tộc. Trong khi hầu hết người nghèo là người da đen nhưng không phải hoàn toàn người da đen đều xét ở diện nghèo. Trong giai đoạn 1975-1991, 20% số hộ gia đình người châu Phi da đen giàu có nhất đã tăng tài sản thực tế của họ lên trên

40%. Cùng thời điểm đó, 40% số hộ gia đình người da đen nghèo nhất cũng đồng thời giảm 40% tài sản của mình và thu nhập của 40% hộ gia đình người da trắng cũng giảm tương tự. Những con số trên cho thấy bất bình đẳng giai cấp và sắc tộc ở Nam Phi là di sản của chủ nghĩa chủng tộc và chủ nghĩa tư bản đã tồn tại lâu đời ở đất nước này. khó có thể giải quyết một sớm một chiều ở đất nước Nam Phi mới.

Thứ ba, xét về khía cạnh chính trị, các luật lệ Apartheid đã tạo ra phong trào phản kháng trong xã hội ngày càng gia tăng, dẫn đến sự sụp đổ chính trị của chế độ phân biệt chủng tộc hà khắc này. Trong giai đoạn 1985-1989, bạo lực chính trị nghiêm trọng đã xảy ra ở Nam Phi và hàng loạt các tổ chức chống Apartheid đã được xây dựng ở khắp đất nước Nam Phi. Giai đoạn này cũng chứng kiến sự thanh trừng các phạm nhân chính trị một cách tàn nhẫn ở Nam Phi. Mỗi năm, có tới 40.000 người châu Phi bị đánh đập tra tấn tàn nhẫn vì bị quy vào tội làm phản². Các vụ bạo động chính trị trong những năm cuối thập kỷ 1980 và những năm đầu thập kỷ 1990 chủ yếu là nhằm phản đối chính sách Apartheid và những người bị giết hầu hết là thành viên của Đảng Tự do Inkatha (IFP), Đảng Mặt trận dân chủ thống nhất (UDF) và Đảng Đại hội dân tộc Phi (ANC). Mặc dù chính quyền Apartheid lúc bấy giờ (do Botha, sau đó là De Klerk lãnh đạo) đã tiến hành một số cuộc cải cách chính sách cai trị đất nước, trong đó nhiều luật Apartheid được xoá bỏ và cho phép các đảng đối lập được phép hoạt động, nhưng đến năm 1991 bộ máy nhà nước hợp pháp của chế độ Apartheid đã bị giải thể do tình trạng bất ổn ngày càng tăng và phong trào đòi xoá bỏ chế

độ Apartheid ngày càng lớn mạnh. Tháng 12 năm 1991, Hội nghị vì một Nam Phi dân chủ (CODESA) đã bắt đầu các cuộc thương lượng về việc thành lập một chính phủ lâm thời đa sắc tộc và về bản hiến pháp mới mở rộng các quyền chính trị cho mọi nhóm sắc tộc. Tháng 5 năm 1992, CODESA lần hai đã tiếp tục bàn về hình thức chuyển đổi thể chế chính trị sang chế độ dân chủ. Sau CODESA lần hai, Nam Phi vẫn tiếp tục rơi vào bạo lực và xung đột chính trị, điển hình là vụ Lục lượng quân sự Ciskei đã giết 29 người và bắt 200 người khác ở khu định cư Homeland Ciskei và vụ đốt nhà thờ ở Cape Town làm chết 11 người và bắt giữ 58 người do những thành viên của Đảng Đại hội ủng hộ người

Phi (PAC) tiến hành. Bạo động chính trị còn tiếp tục diễn ra trong suốt thời gian tông tuyên cử vào năm 1994. Tuy nhiên, với thắng lợi của Đảng Đại hội dân tộc Phi (ANC nhận được 62.65% phiếu bầu trong cuộc tổng tuyển cử, chiếm 252 trong tổng số 400 ghế của thượng viện), chính quyền Apartheid đã hoàn toàn bị lật đổ. Nelson Mandela trở thành tổng thống da đen đầu tiên ở Nam Phi kể từ khi đất nước này dành được độc lập và ngày 27/4/1994 hệ thống chính trị Nam Phi bắt đầu bước sang trang sử mới, đánh dấu sự chấm hết của chế độ phân biệt chủng tộc hà khắc Apartheid và mở ra thời kỳ dân chủ cho mọi người dân Nam Phi không phân biệt sắc tộc, màu da và ngôn ngữ.

Chú thích:

¹ Theo Trần Thị Lan Hương, *Phát triển kinh tế và phân phối thu nhập ở Nam Phi trong giai đoạn hậu Apartheid*, Tạp chí Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, số 4 năm 2006.

² Theo Anzovin Steven, *South Africa: Apartheid and divestiture*, H.W. Wilson Co., trang 80, ISBN 978-0824207496, 1987.

Tài liệu tham khảo

1. T.R.H. Davenport and Christopher Saunders (2000), *South Africa: a Modern History*, Palgrave Macmillan Press Ltd, fifth edition.
2. Elizabeth Sidiropoulous (2004), *Apartheid Past, Renaissance Future South Africa's Foreign Policy: 1994- 2004*, The South African Institute of International Affairs, Johannesburg.
3. Apartheid Wall, www.stophthewall.org
4. South African Government Information, History of South Africa, www.info.gov.za
5. Alan Hirsch (2005), *The Economic Legacy of Apartheid*, trong *Season of Hope: Economic Reform under Mandela and Mbeiki*, University of KawaZulu- Natal Press